

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông, thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1057/NQ-UBTVQH15 ngày 31/5/2024 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương từ dự phòng chung, dự phòng ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/01/2024 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-BTNMT ngày 19/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La”;

Căn cứ Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị Quyết số 372/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án xây dựng các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh (đợt 2) năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021- 2025 đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Công văn số 1067/CĐCTVN-KHTC ngày 15/8/2024 của Cục Đường cao tốc Việt Nam về việc thông báo kết quả thẩm định BCNCKT dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2924/TTr-SGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2024 và Thông báo Kết quả thẩm định số 2918/SGTVT-QLCL ngày 23 tháng 9 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông, thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

**3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

**4. Mục tiêu đầu tư**

- Từng bước hoàn thiện tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La theo quy hoạch.

- Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, kết nối liên vùng. Đáp ứng nhu cầu vận tải kết nối trung tâm kinh tế, chính trị với các tỉnh Tây Bắc, các khu đô thị, khu du lịch quốc gia, khu công nghiệp, phục vụ cho mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đặc biệt là phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu khi điều kiện về kết nối giao thông thuận lợi và các Dự án khác được đầu tư trong khu vực này; kết nối các khu vực chính của tỉnh Hòa Bình và tỉnh Sơn La thay đổi tình trạng Quốc lộ 6 là đường độc đạo.

- Tạo điều kiện khai thác những tiềm năng, thế mạnh về phát triển dịch vụ du lịch tại huyện Vân Hồ và huyện Mộc Châu nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung; thu hút khai thác quỹ đất chưa sử dụng; tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, thúc đẩy giao lưu phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội của nhân dân, là tuyến đường đảm bảo giao thông khi tuyến Quốc lộ 6 xảy ra ách tắc, cơ động đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực. Hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025.

**5. Phạm vi, quy mô đầu tư**

**5.1. Phạm vi đầu tư của dự án**

- Điểm đầu: Tại khoảng Km53+00 thuộc địa phận xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La (*nối tiếp với Dự án tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu đoạn Km19-Km53, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi*).

- Điểm cuối: Tại khoảng Km85+291,66, giao với Quốc lộ 43 (*thuộc địa phận xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La*).

- Chiều dài tuyến: Khoảng 32,3Km.

**5.2. Quy mô đầu tư**

**5.2.1. Cấp đường**

- Đường cao tốc: Giai đoạn hoàn chỉnh thiết kế cấp 80, vận tốc thiết kế  $V_{tk}=80\text{km/h}$  (theo TCVN 5729:2012); Giai đoạn phân kỳ các yếu tố hình học (*biên độ, trắc dọc*) đạt tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 80, quy mô 02 làn xe.

- Đường gom: Thiết kế theo cấp của đường hiện trạng quy định tại TCVN 4054:2005 hoặc TCVN 10380:2014, phù hợp với quy hoạch và thỏa thuận với địa phương; một số đoạn đi trùng đường dân sinh, xây dựng hoàn trả theo quy mô đường hiện tại;

- Đường ngang, đường hoàn trả: Quy mô, tiêu chuẩn, vận tốc thiết kế được lựa chọn phù hợp với cấp đường hiện trạng hoặc quy hoạch (nếu có).

### 5.2.2. Quy mô mặt cắt ngang

#### a) Đường cao tốc

- Giai đoạn hoàn chỉnh: Quy mô 04 làn xe, bề rộng nền đường  $B_{\text{nền}}=22,0\text{m}$ .

- Giai đoạn phân kỳ: Đầu tư với quy mô 02 làn xe, bề rộng nền đường  $B_{\text{nền}}=12,0\text{m}$ ;  $B_{\text{mặt}}=11,0\text{m}$  (gồm 02 làn xe  $2 \times 3,5=7,0\text{m}$ ; lề gia cố  $2 \times 2,0=4,0\text{m}$ , lề đất  $2 \times 0,5=1,0\text{m}$ ). Tại các vị trí đào sâu, đắp cao, phạm vi nút giao đầu tư xây dựng nền đường theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh.

b) Đường gom: Mặt cắt ngang có bề rộng tối thiểu theo đường giao thông nông thôn cấp B:  $B_{\text{nền}}=5,0\text{m}$ ;  $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$ .

c) Đường ngang, đường hoàn trả: Mặt cắt ngang thiết kế được lựa chọn phù hợp với cấp đường hiện trạng hoặc quy hoạch (nếu có).

### 5.2.3. Mặt đường

- Đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 182\text{MPa}$ . Các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 166\text{MPa}$ .

- Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả: Bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng và điều kiện khai thác.

### 5.2.4. Công trình cầu

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép (BTCT) và BTCT DƯL theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017; bề rộng cầu phù hợp với bề rộng nền đường.

- Tải trọng thiết kế: Hoạt tải HL93, các tải trọng khác tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823:2017 và các tiêu chuẩn có liên quan.

5.2.5. Nút giao liên thông: Trên tuyến dự kiến có 04 nút giao liên thông, trong đó xây dựng 03 nút giao trong giai đoạn phân kỳ; 01 nút giao còn lại định hướng theo quy hoạch, triển khai đầu tư xây dựng tại thời điểm phù hợp.

### 5.2.6. Tần suất lũ thiết kế

- Đường cao tốc: Nền đường, công trình cầu, cống  $P = 1,0\%$ .

- Đường gom, đường ngang, đường hoàn trả: Tần suất thiết kế theo quy định của cấp đường, phù hợp với cao độ hệ thống đường dân sinh hiện trạng, quy hoạch các khu dân cư lân cận (nếu có), đảm bảo việc kết nối các khu dân cư.

### 5.2.7. Công trình phục vụ khai thác

- Hệ thống thu phí, giao thông thông minh (ITS), kiểm tra tải trọng xe: Thực hiện các bước quy hoạch hệ thống ITS, tiến hành đầu tư hệ thống ITS trong giai đoạn hoàn thiện của dự án hoặc dự án độc lập.

- Trạm dừng nghỉ: Được quy hoạch dự kiến tại khoảng Km75+920 (diện tích khoảng 3,0ha) bên phải tuyến và Km76+400 (diện tích khoảng 3,07ha) bên

trái tuyến, được đầu tư bằng nguồn vốn của dự án khác. Ngoài ra bố trí 01 vị trí dừng đỗ xe dọc tuyến tại khoảng Km60+500.

- Hệ thống chiếu sáng: Bố trí hệ thống chiếu sáng tại các nút giao liên thông trên tuyến.

## 6. Giải pháp thiết kế

### 6.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Từ điểm đầu dự án, tuyến đi men theo suối Mực qua khu vực bản Suối Mực, bản Phiêng Chà, xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ; hướng tuyến tiếp tục đi theo sườn núi, dọc theo hướng đường mòn hiện tại đi về xã Mường Men, huyện Vân Hồ; đến khu vực xã Mường Men tuyến rẽ trái đi dọc phía trái suối Tân và đường huyện Chiềng Khoa - Mường Men; đến khoảng Km73+500 (*cách cầu Suối Tân hiện tại về phía hạ lưu khoảng 110m*) tuyến vượt suối Tân đi về hướng Trung tâm xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ; sau khi vượt suối Tân tuyến đi men theo sườn núi và giao với ĐT.101 tại khoảng Km80+700 (*khoảng Km8+350 lý trình ĐT.101*); từ vị trí giao với ĐT.101 tuyến tiếp tục đi men theo sườn núi đi về hướng xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu và giao với Quốc lộ 43 (*khoảng Km69+800 - lý trình Quốc lộ 43*).

- Bình đồ tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, cơ bản phù hợp với các quy hoạch có liên quan, các điểm khống chế, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng; phối hợp với yếu tố cắt dọc, cắt ngang đảm bảo hài hoà về khối lượng đào, đắp nền đường, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, phù hợp với cảnh quan trong khu vực.

### 6.2. Trắc dọc tuyến

- Đường cao tốc: Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường ô tô cao tốc cấp 80, các điểm khống chế, đảm bảo tần suất thiết kế, thoát lũ, tĩnh không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với quốc lộ, đường tỉnh, đường địa phương..., đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành, giảm thiểu khối lượng đào, đắp; đảm bảo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình.

- Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả: Thiết kế theo cấp của đường hiện trạng phù hợp quy định tại TCVN 4054:2005 và TCVN 10380:2014, đảm bảo yếu tố kỹ thuật tối thiểu bằng đường hiện hữu; phù hợp với cao độ hệ thống đường hiện trạng, quy hoạch các khu dân cư lân cận (*nếu có*), đảm bảo việc kết nối thuận lợi giữa các khu dân cư.

### 6.3. Mặt cắt ngang

#### 6.3.1. Đường cao tốc

a) Giai đoạn hoàn thiện: Bề rộng nền đường  $B_{nền} = 22,0m$ , trong đó:

- Bề rộng mặt đường xe chạy :  $B_{mặt} = 4 \times 3,5 = 14,0m$ ;
- Dải phân cách giữa :  $B_{pc} = 0,5m$ ;
- Bề rộng dải an toàn :  $B_{at} = 2 \times 0,5m = 1,0m$ ;

- Bề rộng dải dừng xe khẩn cấp :  $B_{kc} = 2 \times 2,5m = 5,0m$ ;

- Bề rộng lề trồng cỏ :  $B_{lè} = 2 \times 0,75m = 1,5m$ .

b) Giai đoạn phân kỳ: Bề rộng nền đường  $B_{nền} = 12,0m$ , trong đó:

- Bề rộng mặt đường xe chạy :  $B_{mặt} = 2 \times 3,5 = 7,0m$ ;

- Bề rộng lề gia cố :  $B_{lgc} = 2 \times 2,0m = 4,0m$ ;

- Bề rộng lề trồng cỏ :  $B_{lè} = 2 \times 0,5m = 1,0m$ .

c) Tại các vị trí đào sâu, đắp cao, phạm vi nút giao đầu tư xây dựng nền đường theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh  $B_{nền} = 22,0m$ .

6.3.2. Đường gom: Thiết kế đảm bảo tối thiểu theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN 10380:2014) với bề rộng  $B_{nền}=5,0m$ ;  $B_{mặt}=3,5m$  (phù hợp với quy hoạch và các văn bản thỏa thuận với địa phương).

6.3.3. Đường ngang, đường hoàn trả: thiết kế đảm bảo phù hợp với quy mô đường hiện trạng, có xét đến quy hoạch của địa phương; bề rộng nền đường từ (5,0-9,0)m; mặt đường rộng từ (3,5 - 7,0)m.

## 6.4. Nền đường

### 6.4.1. Nền đường cao tốc

- Nền đường đắp: Đầm nén theo phương pháp đầm nén cải tiến đạt độ chặt  $K \geq 0,95$  và 50cm phần nền đất trên cùng dưới đáy kết cấu áo đường đạt độ chặt  $K \geq 0,98$ ; độ dốc mái taluy phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế, khi chiều cao đắp  $h > 6m$  nền đường được giạt cấp (chiều cao mỗi cấp 6,0m; tối đa 8,0m), giữa các cấp để một bậc thêm rộng 2,0m; tại các vị trí đắp cao (1 cơ 2 mái trở lên) đầu tư xây dựng nền đường theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh.

- Nền đường đào: Độ dốc mái taluy nền đào áp dụng phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế; khi chiều sâu đào  $h \geq 8,0m$  mái taluy đào được chia bậc, mỗi bậc cao từ (8 - 12)m tùy theo điều kiện địa chất, giữa các bậc bố trí bậc cơ rộng  $B = 2,0m$ . Tại các vị trí đào sâu (4 cơ 5 mái trở lên) đầu tư xây dựng nền đường theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh.

### 6.4.2. Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả

- Nền đường đắp: Đầm nén theo phương pháp đầm nén cải tiến đạt độ chặt  $K \geq 0,90$  đối với đường gom và  $K \geq 0,95$  đối với đường ngang, đường hoàn trả; 30cm phần nền đất trên cùng dưới đáy kết cấu áo đường đạt độ chặt  $K \geq 0,95$  đối với đường gom và  $K \geq 0,98$  đối với đường ngang, đường hoàn trả; độ dốc mái taluy 1/1,5. Khi chiều cao đắp  $h > 6m$  nền đường được giạt cấp (chiều cao mỗi cấp 6,0m; tối đa 8,0m), giữa các cấp để một bậc thêm rộng 2,0m.

- Nền đường đào: Độ dốc mái taluy nền đào áp dụng phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế; khi chiều sâu đào  $h \geq 8,0m$  mái taluy đào được chia bậc, mỗi bậc cao từ (8 - 12)m tùy theo điều kiện địa chất, giữa các bậc bố trí bậc cơ rộng  $B = 2,0m$ .

### 6.5. Mặt đường

- Đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, lớp mặt bê tông nhựa chặt trên lớp móng, đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 182\text{MPa}$ ; các nhánh của nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, lớp mặt bê tông nhựa chặt trên lớp móng đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 166\text{MPa}$ .

- Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả: Mặt đường bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với hiện trạng.

### 6.6. Thiết kế giao cắt

6.6.1. Nút giao liên thông: Gồm dự kiến có 04 nút giao liên thông (trong đó xây dựng 03 nút giao trong giai đoạn phân kỳ; 01 nút giao còn lại (Phiêng Luông (IC7)) định hướng theo quy hoạch, triển khai đầu tư tại thời điểm phù hợp)

TT	Tên nút giao	Lý trình	Khoảng cách giữa các nút giao	Liên kết với	Hình thái giao cắt giai đoạn hoàn chỉnh	Hình thái giao cắt giai đoạn 1
1	Chiềng Yên (IC4)	Km53+600	-	Đường liên bản Suối Mực đi Pà Puộc, xã Mường Men ra ĐT.432 tỉnh Hòa Bình	Trumpet	Trumpet
2	Mường Men (IC5)	Km62+770	9,17km	Đường tái sản xuất kết nối xã Chiềng Yên đến xã Mường Men và xã Quang Minh	Tách nhập	Tách nhập
3	Chiềng Khoa (IC6)	Km80+700	17,93km	ĐT.101 Kết nối với trung tâm hành chính huyện Vân Hồ và khu công nghiệp Vân Hồ	Tách nhập	Tách nhập
4	Phiêng Luông (IC7)	Km84+700	4,00km	Đường trực quy hoạch nối trung tâm huyện Mộc Châu	Trumpet	Định hướng theo quy hoạch, chưa xây dựng

### 6.6.2. Nút giao trực thông

a) Cầu vượt đường cao tốc: Cầu vượt thiết kế đảm bảo phù hợp bề rộng

nền đường cao tốc; quy mô cầu vượt phù hợp với quy mô đường hiện trạng và quy hoạch đường địa phương. Phạm vi dự án dự kiến bố trí 05 cầu trong nút giao và cầu vượt ngang.

- Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm BTCT và BTCT DU'L (*dầm Super-T, dầm "T" và dầm bản rộng liên tục đổ tại chỗ*).

- Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng BTCT, móng cọc BTCT (*chiều dài cọc, số lượng cọc, đường kính cọc, ... là dự kiến*), trong bước tiếp theo căn cứ vào số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, kết quả thí nghiệm theo quy định, kết quả tính toán kết cấu cầu, ... đơn vị tư vấn lựa chọn giải pháp thiết kế cho phù hợp, bảo đảm kinh tế - kỹ thuật, ổn định lâu dài. Danh mục cụ thể:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp dự kiến (m)	Chiều dài cầu dự kiến (m)	Bề rộng cầu (m)	Loại kết cấu nhịp	Ghi chú
1	Cầu vượt nút giao Chiềng Yên (IC4)	Km53+613,85	Nhánh 1 (24+3x30+24); Nhánh 2 (24+30)	207,30	7,5-11	Dầm bản rộng DU'L	Cầu trong nút giao IC4
	Cầu Chiềng Yên	Km53+613,85	1x33	47,10	22,0	Dầm PC-I33	
2	Cầu vượt Mường Men	Km67+245,0	1x33	47,10	7,5	Dầm PC-I33	Kết nối với khu TĐC bản Ui
3	Cầu vượt Thác Nàng Tiên	Km75+132,0	1x38,2	51,30	7,5	Super T	Đường huyện
4	Cầu vượt Chiềng Khoa	Km78+878,0	1x38,2	56,30	7,5	Super T	
5	Cầu vượt Vân Hồ - nút giao Chiềng Khoa (IC6)	Km80+165,0	3x27	89,30	9,0	Dầm PC-I	Cầu vượt trong nút giao

b) Hàm chui dân sinh: Dự kiến bố trí 03 hàm chui trên đường ngang và 01 hàm trên nhánh nút giao Mường Men (IC5), kết cấu bằng BTCT; khẩu độ hàm chui BxH từ (5,0x3,5)m đến (9,0x4,75)m.



TT	Lý trình	Khẩu độ (BxH)m	Chiều dài dự kiến (m)	Góc giao dự kiến (độ)	Ghi chú
1	Km58+188	5,0x3,5	30,0	52°19'	Đường vào bản Phiềng Chà
2	Km62+773	2(6,0x4,5)	22,0	90°00'	Nút giao Mường Men (IC5)
3	Km66+596	5,0x3,5	22,0	90°00'	Đường vào bản Ui
4	Km76+227	9,0x4,75	16,0	51°26'	Kết nối với khu tái định cư bản Nà Chà

6.6.2. Nút giao bằng: Nút giao cuối tuyến giao với QL.43: Thiết kế dạng ngã ba, vượt nối với đường cũ êm thuận, bố trí đèn tín hiệu, đảm bảo khai thác an toàn, thuận lợi.

6.7. Đường gom, đường hoàn trả: Đường gom dân sinh và đường hoàn trả được bố trí phù hợp với nhu cầu và hiện trạng kết nối hệ thống giao thông trong khu vực, phù hợp quy hoạch của địa phương. Đường gom, đường hoàn trả thiết kế theo cấp của đường hiện trạng quy định tại TCVN 4054:2005 và TCVN 10380:2014, bề rộng tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m}$ ;  $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$ .

#### 6.8. Công trình cầu trên tuyến chính

- Phạm vi dự án bố trí 22 cầu; giai đoạn phân kỳ xây dựng một đơn nguyên, mặt cầu dốc ngang một mái lệch về bên phải tim đường giai đoạn hoàn thiện, bề rộng cầu bằng bề rộng nền đường giai đoạn phân kỳ  $B_{\text{nền}}=12,0\text{m}$ . Riêng đối với các cầu Vân Hồ 1, Vân Hồ 2 và Vân Hồ 3 mặt cầu dốc ngang một mái lệch về bên trái tim đường giai đoạn hoàn thiện  $B_{\text{cầu}}=12,0\text{m}$  để thuận lợi cho việc mở rộng trong giai đoạn hoàn thiện; riêng cầu Chiềng Yên (cầu trong nút giao IC4 - Km53+613,85) và cầu Phiềng Luông (Km85+025,15) đầu tư xây dựng hoàn thiện ngay trong giai đoạn phân kỳ phù hợp với quy mô tuyến tại nút giao với  $B_{\text{cầu}}=22,0\text{m}$ ;

- Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm BTCT và BTCT DƯỠ (dầm liên tục, dầm Super-T, dầm "I"), có thiết kế bản liên tục nhiệt để tạo độ êm thuận cho xe chạy.

- Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng BTCT, móng cọc BTCT (chiều dài cọc, số lượng cọc, đường kính cọc,... là dự kiến), trong bước tiếp theo căn cứ vào số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, kết quả thí nghiệm theo quy định, kết quả tính toán kết cấu cầu,... Đơn vị tư vấn thiết kế lựa chọn giải pháp thiết kế cho phù hợp, bảo đảm kinh tế - kỹ thuật, ổn định lâu dài. Danh mục cụ thể:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài cầu (m)	Loại kết cấu nhịp
1	Suối Pha	Km54+165,92	40,35+2x42,5+40,35	175,90	Super T
2	Chiềng Yên 1	Km55+751,53	40,35+42,5+2x45+42,5+40,35	265,90	Super T
3	Chiềng Yên 2	Km56+676,89	33,75+3x34,5+33,75	183,20	Dầm PC-I33
4	Chiềng Yên 3	Km57+072,25	33,75+3x34,5+33,75	179,20	Dầm PC-I33
5	Suối Cang	Km60+280,59	24,9+40+42,5+45+42,5+40+39,1	282,20	Super T
6	Mường Men 1	Km62+160,09	6x33	206,70	Dầm PC-I33
7	Mường Men 2	Km62+362,16	3x33	107,35	Dầm PC-I33
8	Mường Men 3	Km63+667,00	39,1+3x40+39,1	209,40	Super T
9	Nà Pa	Km65+735,00	4x33	140,50	Dầm I33
10	Mường Men 4	Km67+950,00	3x33	107,40	Dầm PC-I33
11	Chiềng Khoa 1	Km69+382,40	33,75+3x34,5+33,75	181,00	Dầm PC-I33
12	Bản Páng	Km70+720,00	41,6+42,5+2x40+(4x40)+3x40+39,1	494,04	Super T
13	Chiềng Khoa 2	Km71+510,00	(39,1+2x40)+(3x40)+(2x40+39,1)	365,20	Super T
14	Suối Tân	Km74+134,10	35,8+3x36,8+42,6+45,2+42,6+3x40,1+39,1	444,52	Super T
15	Cầu vượt đường ống thủy điện	Km75+195,30	35,9+36,8+35,9	116,83	Super T

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài cầu (m)	Loại kết cấu nhịp
16	Chiềng Khoa 3	Km78+070,95	40,35+4x42,5+40,35	263,90	Super T
17	Suối Tiên	Km79+064,33	39,5+4x40,5+40,4+31,1	278,59	Super T
18	Chiềng Khoa 4	Km79+525,47	2x24	54,95	Dầm PC-I24
19	Vân Hồ 1	Km82+587,87	39,1+9x40+39,1	446,01	Super T
20	Vân Hồ 2	Km83+238,09	39,1+6x40+39,1	328,40	Super T
21	Vân Hồ 3	Km83+623,89	39,1+3x40+39,1	208,40	Super T
22	Phiêng Luông	Km85+025,15	1x38,2	50,30	Super T

#### 6.9. Công trình thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Khẩu độ thoát nước theo kết quả tính toán thủy văn, thủy lực và phục vụ thủy lợi, chiều dài phù hợp với bề rộng nền đường.

- Thoát nước mặt: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống rãnh dọc, rãnh đỉnh, rãnh cơ và bậc nước đảm bảo thoát nước nền, mặt đường, ổn định công trình lâu dài.

- Hoàn trả kênh, mương, suối đối với các đoạn tuyến đi trùng với hệ thống kênh, mương, suối hiện hữu, đảm bảo phù hợp với quy mô mương hiện trạng, quy hoạch thủy lợi của địa phương, khả năng thoát nước của sông, suối.

#### 6.10. Tổ chức giao thông giai đoạn phân kỳ

Bố trí hàng rào trên toàn tuyến để chỉ khai thác với xe cơ giới; không bố trí các nút giao bằng, kết nối thông qua hệ thống đường hiện tại và đường gom, đường hoàn trả, các phương tiện cơ giới lưu thông lên tuyến chính thông qua các điểm nút giao liên thông trên tuyến; không bố trí dải phân cách giữa, việc tổ chức giao thông trên mặt đường bằng hệ thống vạch sơn, biển báo tuân thủ QCVN 41: 2019; áp dụng tiêu chuẩn khai thác theo đường cấp III đồng bằng, nhưng bảo đảm một phần yêu cầu của tiêu chuẩn đường cao tốc.

#### 6.11. Các công trình vận hành, khai thác

- Trạm dừng nghỉ: Quy hoạch dự kiến tại khoảng Km75+920 bên phải tuyến và Km76+400 bên trái tuyến thuộc địa phận xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ. Ngoài ra bố trí 01 vị trí dừng đỗ xe dọc tuyến tại khoảng Km60+500.

- Hệ thống giao thông thông minh (ITS): Phương án đầu tư hệ thống giao thông thông minh (ITS) sẽ được đầu tư trong giai đoạn hoàn thiện hoặc một dự án độc lập để đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất, phát huy hiệu quả tổng thể của hệ thống ITS.

### 6.12. Công trình khác

- Công trình gia cố: Đối với đoạn nền đắp thông thường, gia cố bằng trồng cỏ; đối với các đoạn nền đắp cao, đắp cạnh sông, suối mái ta luy được gia cố bằng đá hộc xây, tấm ốp bê tông,... bảo đảm ổn định công trình; Đối với những vị trí mái ta luy dương có nguy cơ sạt trượt hoặc đá rơi gia cố bằng giải pháp phun vữa bê tông lưới thép, chống xói phủ xanh mái dốc và hệ thống lưới thép cường độ cao chống đá lăn, đá rơi.

- Tường chắn: Bố trí tại các vị trí hạn chế về mặt bằng hoặc địa hình, địa chất, thủy văn khó khăn, phức tạp, kết cấu bằng tường chắn trọng lực, tường đất có cốt (*nền đường đắp gia cường lưới địa kỹ thuật*).

- Hệ thống biển báo, vạch sơn: Bố trí đầy đủ hướng dẫn giao thông trên tuyến để lái xe tiếp nhận được các thông tin một cách đầy đủ, thuận lợi nhằm nâng cao điều kiện an toàn giao thông; hình dáng, quy cách, vị trí, kích thước, màu sắc,... tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

- Hệ thống cọc tiêu, lan can phòng hộ: Bố trí trên toàn tuyến, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.

- Rào chắn: Bố trí giữa đường gom và đường cao tốc đối với đoạn có đường gom, bố trí trùng ranh giới GPMB đối với đoạn không có đường gom; căn cứ tình hình thực tế khu vực tuyến đi qua, trong bước tiếp theo nghiên cứu lựa chọn loại hàng rào phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, an toàn và thuận lợi trong khai thác.

- Điện chiếu sáng: Bố trí tại các nút giao liên thông, trong bước tiếp theo căn cứ tình hình thực tế để nghiên cứu, tính toán bố trí cho phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.

6.13. Các nội dung khác: Theo hồ sơ kèm theo Tờ trình số 36/TTr-BQLDA ngày 29/8/2024, Tờ trình số 38/TTr-BQLDA ngày 19/9/2024 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông và kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

**7. Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập BCNCKT đầu tư xây dựng:** Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP.

**8. Nhà thầu thẩm tra BCNCKT đầu tư xây dựng:** Liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng VNC - Công ty TNHH Tư vấn Đại học Xây dựng.

### 9. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Huyện Vân Hồ, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Diện tích sử dụng đất: Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 386,58 ha.

**10. Loại, nhóm dự án, loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm A;

- Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ;
- Cấp công trình: Đường cấp II, Cầu cấp I;
- Thời hạn sử dụng công trình chính: Theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng (công trình cầu TCVN 11823-2017; công trình đường TCVN 5729-2012 và các tiêu chuẩn có liên quan).

### **11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng**

- Số bước thiết kế: 03 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công).
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan được cập nhật, bổ sung trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

**12. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 4.445,0 tỷ đồng** (Bằng chữ: Bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng, thiết bị : 3.729,901 tỷ đồng;
- Chi phí QLDA : 31,875 tỷ đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 201,837 tỷ đồng;
- Chi phí khác : 95,229 tỷ đồng;
- Chi phí dự phòng : 386,157 tỷ đồng.

**13. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh.

**14. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2023-2028.

**15. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông (Chủ đầu tư)**

- Chỉ đạo tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi theo ý kiến thẩm định của Cục Đường cao tốc Việt Nam tại Công văn số 1067/CĐCTVN-KHTC ngày 15/8/2024, ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ngành, đơn vị liên quan và thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 2918/SGTVT-QLCL ngày 23/9/2024, giao nộp hồ sơ và tài liệu cần thiết theo quy định cho các cơ quan có liên quan, lưu trữ tuân thủ quy định hiện hành;

- Trong bước tiếp theo sau khi khảo sát đầy đủ điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn,... theo quy định; chỉ đạo tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra và các bên có liên quan căn cứ số liệu khảo sát, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án, tính chất kỹ thuật của công trình để tiếp tục kiểm tra, rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng, phân tích, so sánh, luận chứng kinh tế - kỹ thuật để lựa chọn giải pháp thiết kế phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài, phát huy hiệu quả đầu tư;

- Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung tiêu chuẩn (nếu có) vào danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án làm cơ sở thiết kế, thi công, nghiệm thu các hạng mục công trình tuân thủ quy định;

- Phối hợp với các huyện Mộc Châu, Vân Hồ và các đơn vị liên quan để cung cấp số liệu, kiểm tra, rà soát, đảm bảo khối lượng giải phóng mặt bằng phù hợp với hồ sơ thiết kế được phê duyệt theo quy định; xác định nguồn cung cấp vật liệu, vị trí bãi đổ thải, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung vào hồ sơ khảo sát mỏ vật liệu, bãi đổ thải làm cơ sở tổ chức thực hiện, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, tuân thủ quy định hiện hành;

- Thực hiện bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3006/QĐ-BTNMT ngày 19/9/2024 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## 2. Sở Giao thông vận tải

- Chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung, quy trình, kết quả thẩm định dự án;

- Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

**3. Các Sở, ngành và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ theo lĩnh vực ngành có trách nhiệm kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.**

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu, Vân Hồ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành/.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính, GTVT;
- Cục Đường cao tốc Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ; P.KT, TH);
- TT Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Minh**